|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BKHCN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

## Xác định vấn đề bất cập

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ, trong thời gian qua, Chính phù và các cơ quan của Chính phủ đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ theo thẩm quyền, nhờ đó đã hình thành đồng bộ hệ thống văn bản pháp lý về khoa học và công nghệ, góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KHCN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo (ĐMST) của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính đối với phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật KH&CN, Điều 14 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và các thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN,...) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực cũng nảy sinh những hạn chế trong chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ như: đầu tư cho KH&CN dàn trải, chồng chéo chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn; cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN chưa phù hợp; cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ KH&CN đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến...Bên cạnh đó, trước những thay đổi và yêu cầu của tình hình kinh tế - xã hội, chủ trương của Đảng cũng như những điều chỉnh trong các văn bản quy phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và đấu thầu.

Do vậy, cần ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP). Nghị định sẽ tập trung sửa đổi, bổ sung nội dung tại 09 Điều gồm: Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN; Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN; Điều 7 về Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Điều 9, Điều 10 và Điều 11 quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; Điều 14, Điều 15 và Điều 16 quy định liên quan đến cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN.

### 2. Mục tiêu xây dựng chính sách

#### 2.1. Mục tiêu tổng thể

Tại Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã  **x**ác định: “*Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo*, ...; *Hoàn thiện* *các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo*.*”*; *“Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh”.*

Tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra nhiệm vụ: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số.”; “Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số”.*

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã đề ra nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là đột phá chiến lược, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.*

*Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm từ 2% tổng chi ngân sách trở lên theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; thống kê, tổng hợp số liệu, kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ tại các cơ quan, địa phương. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục thanh, quyết toán kinh phí nghiên cứu khoa học, mở rộng cơ chế giao khoán sản phẩm…Giải quyết hiệu quả các vướng mắc để giải phóng tối đa nguồn lực từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thúc đẩy nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”.*

Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội, tại khoản 4 Mục IV Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ “*Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...Nghiên cứu, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học công nghệ*”.

Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2026, tại điểm h khoản 1 phần A mục III của Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ: “*...nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*”.

Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 06/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp đổi mới hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy nguồn lực đầu tư của 19 tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trực thuộc, tại khoản 6 Chỉ thị đề ra nhiệm vụ: *“Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”.*

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

### Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu sau:

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất trong đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN được công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho các tổ chức KH&CN, các cá nhân hoạt động KH&CN, góp phần giảm thiểu thủ tục hành chính trong hoạt động KH&CN.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các chủ thể trong quá trình quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN.

## II. Đánh giá tác động của chính sách

Để đạt được các mục tiêu như đã đặt ra ở trên, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tập trung vào các nhóm chính sách. Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các quy định bổ sung, cụ thể hóa hoặc sửa đổi quy định hiện hành, hoặc đề xuất các quy định mới.

**1. Chính sách 1: hoàn thiện quy định nội dung chi NSNN cho KH&CN**

***1.1. Xác định vấn đề bất cập***

Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thực tế phát hiện thấy: các nội dung chi của ngân sách nhà nước (NSNN) cho khoa học và công nghệ (KH&CN) chưa đầy đủ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công cũng như đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh đối với các nội dung chi phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST). Cụ thể như sau:

- Điểm a khoản 1 chưa quy định về kinh phí cải tạo, sửa chữa tài sản công nhằm nâng cấp, mở rộng tài sản công.

- Điểm a khoản 1 chưa quy định về quy định về nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm khởi nghiệp sáng tạo. Quy định này nhằm đáp ứng các quy định tại văn bản:

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: “*Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh*.”

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ: “*b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu*.” (điểm b khoản 2 mục IV).

- Khoản 1 chưa có quy định về việc áp dụng quy định pháp luật về đầu tư đối với các nội dung chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN sử dụng các nguồn vốn khác nhau ngoài nguồn vốn chi đầu tư phát triển từ NSNN.

- Điểm b khoản 2 chưa được sửa đổi phù hợp với quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các nội dung: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

- Điểm k khoản 2 chưa quy định về việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/SCOPUS nhằm khuyến khích các nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu KH&CN trên các tạp chí uy tín của thế giới.

- Điểm m khoản 2 chưa quy định rõ về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công. Đồng thời chưa quy định về mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của các tổ chức KH&CN công lập; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công.

- Khoản 2 chưa có quy định về chi cho hoạt động đổi mới sáng tạo nhằm duy trì và hỗ trợ hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo, bao gồm: hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ đào tạo về năng lực quản trị, mô hình kinh doanh mới, mô hình đổi mới sáng tạo; đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn và hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo. Lý do: Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 và Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 2 mục IV.

- Bổ sung làm rõ quy định tại điểm n khoản 2 về việc hướng dẫn các khoản chi khác phát sinh trong thực tế phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

***1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN nhằm phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 và kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công nhằm phục vụ nâng cao tiềm lực KHCN&ĐMST.

***1.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 1.2 nói trên.

***1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

##### 1.4.1. Phương án 1

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và không tăng chi NSNN cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: hiệu lực, hiệu quả quản lý bị giảm sút, không phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, không đáp ứng nhu cầu chi cho hoạt động ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không đáp ứng nhu cầu chi của tổ chức, cá nhân.

###### b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Không thay đổi thủ tục hành chính hiện có.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

##### 1.4.2. Phương án 2:

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, về đầu tư công, đáp ứng nhu cầu hoạt động KHCN&ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện đúng quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, hoạt động KHCN&ĐMST hiệu quả.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới.

*b) Tác động về giới*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc áp dụng các nội dung chi cho hoạt động ĐMST sẽ phát sinh thủ tục hành chính có liên quan.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của tổ chức và cá nhân hoạt động KHCN&ĐMST, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

**2. Chính sách 2: hoàn thiện quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN.**

***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

Quá trình xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán NSNN cho KH&CN tại các địa phương, việc phối hợp và vai trò tổng hợp của Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT trong việc hướng dẫn và tổng hợp dự toán ngân sách KH&CN địa phương chưa đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công. Quy trình phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP vào các Quỹ KH&CN các cấp chưa được thực hiện do các Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, ngành, địa phương theo Điều 7 của Nghị định về cơ bản chưa được thành lập.

***2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Sửa đổi và hoàn thiện các quy định về xây dựng, lập và phân bổ NSNN cho KH&CN phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

***2.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 2.2 nói trên.

***2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

##### 2.4.1. Phương án 1

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và nguồn lực NSNN chi cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: quy trình xây dựng, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phát sinh tác động tiêu cực.

###### b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

##### 2.4.2 Phương án 2:

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công cũng như phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện theo quy định định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không có.

###### b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### 2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

**3. Chính sách 3: hoàn thiện quy định Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

***3.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Theo quy định tại khoản 19 Điều 4 và tại khoản 11 Điều 8 của Luật NSNN, quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước phải hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSNN; NSNN không hỗ trợ chi phí quản lý của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Do vậy, cần thiết phải rà soát quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định 95/2014/NĐ-CP.

- Rà soát quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công để xác định mô hình hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định 95/2014/NĐ-CP.

- Rà soát các quy định tại điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 7 của Nghị định 95/2014/NĐ-CP để đảm bảo các nội dung hoạt động ủy thác của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

***3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Hoàn thiện các quy định về Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo hoạt động đúng quy định và hiệu quả.

***3.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 3.2 nói trên.

***3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

*3.4.1. Phương án 1*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian nghiên cứu, rà soát, chi phí khảo sát thực tiễn phục vụ sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phải hướng dẫn, trả lời các vướng mắc phát sinh trong quá trình Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoạt động.

- Đối với các cơ quan, tổ chức: gặp khó khăn trong quá trình quản lý, triển khai hoạt động liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do các quy định về hoạt động của Quỹ chưa phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

###### b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

##### 3.4.2. Phương án 2:

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thuận lợi trong quá trình thực hiện các hoạt động liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới.

###### b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách giúp giảm bớt thủ tục hành chính trong triển khai hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đối với các hoạt động ủy thác và nhận ủy thác.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

***3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý đối với Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**4. Chính sách 4: sửa đổi, bổ sung quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp**

***4.1. Xác định vấn đề bất cập***

Trong thời gian qua, hành lang pháp lý về hoạt động của quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã được hoàn thiện. Tuy nhiên, một số quy định hiện hành không còn phù hợp với các quy định liên quan hoặc thực tiễn, đòi hỏi phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Các quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp chưa đầy đủ, đồng bộ để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng cao dựa trên KHCN&ĐMST. Cụ thể:

- Tỷ lệ trích lập tối thiểu Quỹ của doanh nghiệp Nhà nước không đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác; gây ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

- Quy định tại khoản 3 Điều 9 chưa phù hợp quy định quy định tại Điều 20 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo Điều 30 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 quy định về thẩm quyền ban hành văn bản và theo khoản 2 Điều 5 Nghị định 39/2022/NĐ-CP quy định về trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 cần điều chỉnh như sau: “*mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp*” phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “*Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “*d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp*”.

- Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III “*Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*”; đầu tư cho các cơ sở ươm tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg.

- Quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 11 về việc các doanh nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia, Bộ, ngành, địa phương có quyền yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN về cơ bản chưa được thực hiện, tồn dư lớn số tiền các doanh nghiệp chuyển về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

***4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Hoàn thiện các quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

***4.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 4.2 nói trên với nội dung: "Mua máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp."

**Phương án 3**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 4.2 nói trên với nội dung: “Mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.”

***4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

*4.4.1. Phương án 1*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém kinh phí đầu tư.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ thúc đẩy sự phát triển của KHCN&ĐMST tại doanh nghiệp.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KHCN&ĐMST**.**

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN.

*4.4.2. Phương án 2:*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động KHCN&ĐMST của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không tác động đến thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

Chính sách không bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến việc trích lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*4.4.3. Phương án 3:*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý, phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động KHCN&ĐMST của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đối với doanh nghiệp.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không tác động đến thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

Chính sách không bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến việc trích lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### 4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 3 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý và nhu cầu hoạt động, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý về quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

**5. Chính sách 5:** **sửa đổi, bổ sung về cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN**

***5.1. Xác định vấn đề bất cập***

Trong quá trình quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, có một số bất cập phát sinh như: việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN thông qua hệ thống quỹ phát triển KH&CN các cấp cần rà soát đánh giá để phù hợp với các quy định pháp luật về NSNN và thực tế; tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng của khoán chi đến sản phẩm cuối cùng chưa phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế về kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; vướng mắc trong quá trình thực hiện khoán chi từng phần...

***5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Hoàn thiện các quy định liên quan đến cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, thông lệ quốc tế và thực tế triển khai.

***5.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 5.2 nói trên.

***5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

*5.4.1. Phương án 1*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn thời gian nghiên cứu, hoàn thiện hành lang pháp lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ hữu dụng để thúc đẩy hoạt động KH&CN hiệu lực, hiệu quả.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN**.**

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không thay đổi hệ thống pháp luật.

*5.4.2. Phương án 2:*

a) Tác động về kinh tế - xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân: nghiên cứu các quy định mới để triển khai.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay và xu thế phát triển KH&CN của thế giới.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### 5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN.

# III. Ý KIẾN THAM VẤN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi công văn (Công văn số /BKHCN-KHTC ngày …/…/2024) để lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp, cũng như đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (từ ngày …/…/2024) và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (từ ngày …/…/2024) để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân liên quan.

Tính đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được …ý kiến góp ý (ý kiến của … bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, .. tỉnh, thành phố,…doanh nghiệp. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu và giải trình nhằm hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (danh sách chi tiết các cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến được thể hiện trong Phụ lục đính kèm Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến).

# IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

**1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành**

Việc tổ chức thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP liên quan trực tiếp đến các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Do đó trách nhiệm thi hành Nghị định là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan, trong đó trách nhiệm chính là của Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp Chính phủ tổ chức thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

**2. Cơ quan giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách**

Giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị định thuộc trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Nghị định trong phạm vi địa phương.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Chính phủ;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - VPCP: Vụ Pháp luật;  - Bộ Tư pháp;  - Lưu: VT, KHTC. | **BỘ TRƯỞNG**  **Huỳnh Thành Đạt** |